

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành danh mục mã số chương trình, mục tiêu
và dự án quốc gia giai đoạn 2006-2010**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;
- Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/07/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010; Thông tư liên tịch số 676/2006/TTLT-UBDT-KHĐT-TC-XD-NNPTNT ngày 08/8/2006 của Liên Ủy ban Dân tộc - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010;
- Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo giai đoạn 2006-2010; Thông tư liên tịch số 102/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 20/8/2007 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với một số dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo;
- Căn cứ Quyết định số 101/2007/QĐ-TTg ngày 06/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về Việc làm đến năm 2010;
- Căn cứ Quyết định số 108/2007/QĐ-TTg ngày 17/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS giai đoạn 2006-2010;
- Căn cứ Quyết định số 125/2007/QĐ-TTg ngày 31/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về Văn hoá giai đoạn 2006-2010;
- Căn cứ Quyết định số 149/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Vệ sinh an toàn thực phẩm giai đoạn 2006-2010;
- Căn cứ Quyết định số 156/2007/QĐ-TTg ngày 25/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống ma túy đến năm 2010;

- Căn cứ Quyết định số 170/2007/QĐ-TTg ngày 08/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hoá gia đình giai đoạn 2006- 2010;

- Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành danh mục mã số Chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia giai đoạn 2006-2010 theo Phụ lục số 01 đính kèm Quyết định này và áp dụng từ năm ngân sách 2008. Các khoản thu, chi ngân sách (gồm cả chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) thuộc các chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia giai đoạn 2006-2010 thực hiện hạch toán theo mã số chương trình, mục tiêu, dự án quốc gia theo Phụ lục số 01 đính kèm Quyết định này và theo quy định của Mục lục Ngân sách nhà nước; riêng về hạch toán theo Loại, Khoản thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo. Các mã số chương trình, mục tiêu, dự án quốc gia và hướng dẫn hạch toán Loại, Khoản được ban hành tại Quyết định số 25/2006/QĐ-BTC ngày 11/4/2006 của Bộ Tài chính trái với quy định tại Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương các đoàn thể và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính chịu trách nhiệm, hướng dẫn và tổ chức thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- Toà án NDTC, Viện Kiểm sát NDTC,
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở TC, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ,
- Lưu: VT, Vụ NSNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Phụ lục số 01

DANH MỤC MÃ SỐ CHƯƠNG TRÌNH, MỤC TIÊU VÀ DỰ ÁN QUỐC GIA (Kèm theo Quyết định số 103/2007/QĐ-BTC ngày 18/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Cấp quyết định	Mã số chương trình, mục tiêu, dự án quốc gia	Mã số mục tiêu dự án thuộc chương trình mục tiêu, dự án quốc gia	Tên chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia
1	2	3	4
1	0001		Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo
1	0001	02	Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo
1	0001	08	Dự án khuyến nông, lâm, ngư và hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề
1	0001	11	Dự án dạy nghề cho người nghèo
1	0001	12	Dự án nâng cao năng lực giảm nghèo
1	0001	13	Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo
1	0001	14	Hoạt động giám sát, đánh giá
1	0001	15	Dự án hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo
1	0002		Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hoá gia đình
1	0002	01	Dự án tuyên truyền, giáo dục chuyển đổi hành vi
1	0002	02	Dự án nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình
1	0002	08	Dự án bảo đảm hậu cần và đẩy mạnh tiếp thị xã hội các phương tiện tránh thai
1	0002	09	Dự án nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình
1	0002	10	Dự án nâng cao chất lượng thông tin quản lý chuyên ngành dân số và kế hoạch hoá gia đình
1	0002	11	Dự án thử nghiệm, mở rộng một số mô hình, giải pháp can thiệp, góp phần nâng cao chất lượng dân số Việt Nam
1	0003		Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS
1	0003	01	Dự án phòng, chống bệnh sốt rét
1	0003	02	Dự án phòng, chống bệnh lao
1	0003	03	Dự án phòng, chống bệnh phong

Cấp quyết định	Mã số chương trình, mục tiêu, dự án quốc gia	Mã số mục tiêu dự án thuộc chương trình mục tiêu, dự án quốc gia	Tên chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia
1	2	3	4
1	0003	05	Dự án phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em
1	0003	06	Dự án tiêm chủng mở rộng
1	0003	07	Dự án bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng
1	0003	09	Dự án phòng, chống HIV/AIDS
1	0003	11	Dự án kết hợp quân - dân y
1	0003	12	Dự án phòng, chống bệnh ung thư
1	0003	13	Dự án chăm sóc sức khỏe sinh sản
1	0005		Chương trình mục tiêu quốc gia Về văn hoá
1	0005	01	Dự án chống xuống cấp và tôn tạo di tích
1	0005	02	Dự án điều tra, nghiên cứu, bảo tồn một số làng, bản tiêu biểu và lễ hội truyền thống đặc sắc của dân tộc ít người
1	0005	03	Dự án sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá phi vật thể của các dân tộc VN
1	0005	04	Dự án tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển thiết chế văn hoá thông tin cơ sở vùng sâu, vùng xa
1	0005	05	Dự án xây dựng xã điển hình triển khai hiệu quả phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá
1	0005	07	Dự án cấp trang thiết bị và sản phẩm văn hoá thông tin cho đồng bào các dân tộc thiểu số, tuyến biên giới và hải đảo
1	0005	10	Dự án làng, bản, buôn có hoàn cảnh đặc biệt
1	0005	12	Dự án củng cố và phát triển hệ thống thư viện công cộng
1	0005	13	Dự án nâng cao năng lực phổ biến phim; đào tạo nâng cao trình độ sử dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất và phổ biến phim ở vùng sâu vùng xa
1	0008		Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống ma túy
1	0008	02	Đề án tuyên truyền phòng, chống ma túy
	0008	03	Đề án tăng cường năng lực đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy
	0008	04	Đề án nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và nghiên cứu, thẩm định, triển khai ứng dụng, đánh giá các loại thuốc, phương pháp y học trong điều trị, phục hồi chức năng cho người nghiện ma túy

Cấp quyết định	Mã số chương trình, mục tiêu, dự án quốc gia	Mã số mục tiêu dự án thuộc chương trình mục tiêu, dự án quốc gia	Tên chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia
1	2	3	4
	0008	05	Đề án phòng, chống ma túy trong trường học
	0008	06	Đề án tăng cường quản lý và kiểm soát tiền chất
	0008	07	Đề án xây dựng xã, phường, thị trấn, khu dân cư không có tệ nạn ma túy
	0008	08	Đề án xoá bỏ việc trồng và tái trồng cây có chất ma túy
	0008	09	Đề án thu thập, quản lý hệ thống dữ liệu và xử lý thông tin về tình hình ma túy trong công tác phòng, chống ma túy
	0008	10	Đề án tăng cường hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy
1	0009		Chương trình mục tiêu quốc gia Vệ sinh an toàn thực phẩm
1	0009	01	Dự án nâng cao năng lực quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm ở Việt Nam
1	0009	02	Dự án thông tin giáo dục truyền thông đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm
1	0009	03	Dự án tăng cường năng lực kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm; xây dựng hệ thống giám sát ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua thực phẩm và phân tích nguy cơ ô nhiễm thực phẩm
1	0009	04	Dự án đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm
1	0009	05	Dự án đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn môi trường và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ nuôi trồng
1	0009	06	Dự án đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm thức ăn đường phố
1	0012		Chương trình mục tiêu quốc gia Về việc làm
1	0012	01	Dự án vay vốn tạo việc làm
1	0012	02	Dự án hỗ trợ phát triển thị trường lao động
1	0012	03	Hoạt động giám sát, đánh giá
1	0012	04	Hoạt động nâng cao năng lực quản lý lao động, việc làm
1	0020		Chương trình 135

Cấp quyết định	Mã số chương trình, mục tiêu, dự án quốc gia	Mã số mục tiêu dự án thuộc chương trình mục tiêu, dự án quốc gia	Tên chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia
1	0020	01	Nhiệm vụ hỗ trợ phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ sản xuất của đồng bào các dân tộc
1	0020	02	Nhiệm vụ phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn
1	0020	03	Nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở, nâng cao trình độ quản lý hành chính và kinh tế; đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng
1	0020	04	Nhiệm vụ hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật
1	0020	05	Hỗ trợ kinh phí Ban chỉ đạo Chương trình 135 các tỉnh khó khăn

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Phụ lục số 02

HƯỚNG DẪN HẠCH TOÁN CHƯƠNG TRÌNH, MỤC TIÊU VÀ DỰ ÁN QUỐC GIA
(Kèm theo Quyết định số 103/2007/QĐ-BTC ngày 18/12/2007
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Cấp quyết định	Mã số chương trình, mục tiêu, dự án quốc gia	Mã số mục tiêu dự án thuộc chương trình mục tiêu, dự án quốc gia	Tên chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia	Hạch toán Loại, Khoản (căn cứ vào tính chất hoạt động)
1	2	3	4	5
1	0001		Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo	
1	0001	02	Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo	Loại, Khoản tương ứng
1	0001	08	Dự án khuyến nông, lâm, ngư và hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề	Loại, Khoản tương ứng
1	0001	11	Dự án dạy nghề cho người nghèo	Loại 14, Khoản 07
1	0001	12	Dự án nâng cao năng lực giảm nghèo	Loại 14, Khoản 12
1	0001	13	Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo	Loại, Khoản tương ứng
1	0001	14	Hoạt động giám sát, đánh giá	Loại 13, Khoản 02
1	0001	15	Dự án hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Loại, Khoản tương ứng
1	0002		Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hoá gia đình	
1	0002	01	Dự án tuyên truyền, giáo dục chuyển đổi hành vi	Loại 15, Khoản 10
1	0002	02	Dự án nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình	Loại 15, Khoản 10
1	0002	08	Dự án bảo đảm hậu cần và đẩy mạnh tiếp thị xã hội các phương tiện tránh thai	Loại 15, Khoản 10
1	0002	09	Dự án nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình	Loại 15, Khoản 10

Cấp quyết định	Mã số chương trình, mục tiêu, dự án quốc gia	Mã số mục tiêu dự án thuộc chương trình mục tiêu, dự án quốc gia	Tên chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia	Hạch toán Loại, Khoản (căn cứ vào tính chất hoạt động)
1	2	3	4	5
1	0002	10	Dự án nâng cao chất lượng thông tin quản lý chuyên ngành dân số và kế hoạch hoá gia đình	Loại 15, Khoản 10
1	0002	11	Dự án thử nghiệm, mở rộng một số mô hình, giải pháp can thiệp, góp phần nâng cao chất lượng dân số Việt Nam	Loại 15, Khoản 10
1	0003		Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS	
1	0003	01	Dự án phòng, chống bệnh sốt rét	Loại 15, Khoản tương ứng
1	0003	02	Dự án phòng, chống bệnh lao	Loại 15, Khoản tương ứng
1	0003	03	Dự án phòng, chống bệnh phong	Loại 15, Khoản tương ứng
1	0003	05	Dự án phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em	Loại 15, Khoản tương ứng
1	0003	06	Dự án tiêm chủng mở rộng	Loại 15, Khoản 03
1	0003	07	Dự án bảo vệ sức khoẻ tâm thần cộng đồng	Loại 15, Khoản tương ứng
1	0003	09	Dự án phòng, chống HIV/AIDS	Loại 15, Khoản tương ứng

Cấp quyết định	Mã số chương trình, mục tiêu, dự án quốc gia	Mã số mục tiêu dự án thuộc chương trình mục tiêu, dự án quốc gia	Tên chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia	Hạch toán Loại, Khoản (căn cứ vào tính chất hoạt động)
1	2	3	4	5
1	0003	11	Dự án kết hợp quân - dân y	Loại 15, Khoản tương ứng
1	0003	12	Dự án phòng, chống bệnh ung thư	Loại 15, Khoản tương ứng
1	0003	13	Dự án chăm sóc sức khoẻ sinh sản	Loại 15, Khoản tương ứng
1	0005		Chương trình mục tiêu quốc gia Về văn hoá	
1	0005	01	Dự án chống xuống cấp và tôn tạo di tích	Loại 16, Khoản 09
1	0005	02	Dự án điều tra, nghiên cứu, bảo tồn một số làng, bản tiêu biểu và lễ hội truyền thống đặc sắc của dân tộc ít người	Loại 16, Khoản 09
1	0005	03	Dự án sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá phi vật thể của các dân tộc VN	Loại 16, Khoản 09
1	0005	04	Dự án tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hoá thông tin cơ sở vùng sâu, vùng xa	Loại 16, Khoản 06
1	0005	05	Dự án xây dựng xã điển hình triển khai hiệu quả phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá	Loại 16, Khoản 06
1	0005	07	Dự án cấp trang thiết bị và sản phẩm văn hoá thông tin cho đồng bào các dân tộc thiểu số, tuyến biên giới và hải đảo	Loại 16, Khoản 06
1	0005	10	Dự án làng, bản, buôn có hoàn cảnh đặc biệt	Loại 16, Khoản 06
1	0005	12	Dự án củng cố và phát triển hệ thống thư viện công cộng	Loại 16, Khoản 08

Cấp quyết định	Mã số chương trình, mục tiêu, dự án quốc gia	Mã số mục tiêu dự án thuộc chương trình mục tiêu, dự án quốc gia	Tên chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia	Hạch toán Loại, Khoản (căn cứ vào tính chất hoạt động)
1	2	3	4	5
1	0005	13	Dự án nâng cao năng lực phổ biến phim; đào tạo nâng cao trình độ sử dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất và phổ biến phim ở vùng sâu vùng xa	Loại 14, Khoản 12
1	0008		Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống ma túy	
1	0008	02	Đề án tuyên truyền phòng, chống ma túy	Loại 16, Khoản tương ứng
	0008	03	Đề án tăng cường năng lực đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy	Loại 13, Khoản 07
	0008	04	Đề án nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và nghiên cứu, thẩm định, triển khai ứng dụng, đánh giá các loại thuốc, phương pháp y học trong điều trị, phục hồi chức năng cho người nghiện ma túy	Loại 15, Khoản 09
	0008	05	Đề án phòng, chống ma túy trong trường học	Loại 14, Khoản tương ứng
	0008	06	Đề án tăng cường quản lý và kiểm soát tiền chất	Loại 13, Khoản 01
	0008	07	Đề án xây dựng xã, phường, thị trấn, khu dân cư không có tệ nạn ma túy	Loại 13, Khoản tương ứng
	0008	08	Đề án xoá bỏ việc trồng và tái trồng cây có chất ma túy	Loại 13, Khoản 01
	0008	09	Đề án thu thập, quản lý hệ thống dữ liệu và xử lý thông tin về tình hình ma túy trong công tác phòng, chống ma túy	Loại 13, Khoản 07

Cấp quyết định	Mã số chương trình, mục tiêu, dự án quốc gia	Mã số mục tiêu dự án thuộc chương trình mục tiêu, dự án quốc gia	Tên chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia	Hạch toán Loại, Khoản (căn cứ vào tính chất hoạt động)
1	2	3	4	5
	0008	10	Đề án tăng cường hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy	Loại 13, Khoản 07
1	0009		Chương trình mục tiêu quốc gia Vệ sinh an toàn thực phẩm	
1	0009	01	Dự án nâng cao năng lực quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm ở Việt Nam	Loại 13, Khoản 01
1	0009	02	Dự án thông tin giáo dục truyền thông đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm	Loại 16, Khoản tương ứng
1	0009	03	Dự án tăng cường năng lực kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm; xây dựng hệ thống giám sát ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua thực phẩm và phân tích nguy cơ ô nhiễm thực phẩm	Loại, Khoản tương ứng
1	0009	04	Dự án đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm	Loại 01, Khoản 04
1	0009	05	Dự án đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn môi trường và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ nuôi trồng	Loại 02, Khoản 02
1	0009	06	Dự án đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm thức ăn đường phố	Loại 15, Khoản 03
1	0012		Chương trình mục tiêu quốc gia Về việc làm	
1	0012	01	Dự án vay vốn tạo việc làm	Loại 10, Khoản 03
1	0012	03	Dự án hỗ trợ phát triển thị trường lao động	Loại 12, Khoản 13
1	0012	04	Hoạt động giám sát, đánh giá	Loại 13, Khoản 01

Cấp quyết định	Mã số chương trình, mục tiêu, dự án quốc gia	Mã số mục tiêu dự án thuộc chương trình mục tiêu, dự án quốc gia	Tên chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia	Hạch toán Loại, Khoản (căn cứ vào tính chất hoạt động)
1	2	3	4	5
1	0012	05	Hoạt động nâng cao năng lực quản lý lao động, việc làm	Loại 14, Khoản 12
1	0020		Chương trình 135	
1	0020	01	Nhiệm vụ hỗ trợ phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ sản xuất của đồng bào các dân tộc	Loại, Khoản tương ứng
1	0020	02	Nhiệm vụ phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn	Loại, Khoản tương ứng
1	0020	03	Nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở, nâng cao trình độ quản lý hành chính và kinh tế; đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng	Loại 14, Khoản 12
1	0020	04	Nhiệm vụ hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật	Loại, Khoản tương ứng
1	0020	05	Hỗ trợ kinh phí Ban chỉ đạo Chương trình 135 các tỉnh khó khăn	Loại 13, Khoản 01

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Đỗ Hoàng Anh Tuấn